

Số: 283/KH - TH

Thời Hòa, ngày 22 tháng 11 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy chế 3 công khai
năm học 2022 – 2023

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo về Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ công văn số 27 /SGDĐT- KHTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương về việc triển khai thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 /12/ 2017 của BGDĐT đối với cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-THDT ngày / /2022 của Ban chỉ đạo và thực hiện Quy chế công khai Trường Tiểu học Duy Tân năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo;

Trường Tiểu học Duy Tân xây dựng Kế hoạch thực hiện nội dung 3 công khai trong nhà trường năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU, NỘI DUNG:

1. Mục đích, yêu cầu:

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.

- Quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tinh đoàn kết nội bộ tốt.

- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn vào đầu năm học và cuối năm học.



- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

2. Nội dung, thời gian:

Tổ chức thực hiện tốt nội dung 3 công khai:

+ Công khai các điều kiện cơ sở vật chất, thời gian: Tháng 9
+ Công khai về chất lượng đào tạo, thời gian: Đầu năm học, giữa học kỳ I, II, cuối học kỳ I và cuối năm học. Tháng 6 hàng năm

+ Công khai về tài chính (*đặc biệt là công khai về các khoản đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh*), thời gian hàng quý 3 tháng 1 lần có niêm yết công khai trong văn phòng hội đồng trường.

+ Công khai về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Tháng 6 và tháng 9

Tổ chức thực hiện tốt nội dung kiểm tra:

+ Kiểm tra phân bổ ngân sách, nhận chi tiêu vào tháng 1 và có niêm yết công khai
+ Kiểm tra các khoản thu tự nguyện ngay từ đầu năm học (Biên bản họp của phụ huynh, ký duyệt của UBND phường, những nội dung thu và bản dự chi) .

+ Kiểm tra về chi ngân sách (kiểm tra chứng từ chi theo quý)

+ Kiểm tra chất lượng giáo dục (sau mỗi đợt kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và kiểm tra chất lượng đầu năm, đánh giá ưu, nhược và sự tiến bộ của học sinh, công khai chất lượng giáo dục cho phụ huynh nắm bắt và báo cáo các cấp và ngành kết quả đã đạt được).

Thực hiện 3 công khai là để đảm bảo tính công bằng, khách quan, đánh giá đúng việc thực hiện quy định của các cấp và ngành về công khai minh bạch các hoạt động trong nhà trường, chi ngân sách, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng trong nội bộ trong trường. Giám sát thu, chi các khoản tự nguyện của hội cha mẹ học sinh theo đúng quy chế của Hội.

Thực hiện 3 công khai là để đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, giúp cho giáo viên nhận thấy những điểm mạnh, yếu của quá trình giảng dạy của mình để có hướng phấn đấu rèn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, giúp phụ huynh thấy được

mặt mạnh, yếu của học sinh để phối hợp cùng cha mẹ học sinh giáo dục các em trở thành con người phát triển toàn diện.

Thực hiện tốt công khai độ ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên nhằm đánh giá trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị và các chứng chỉ... nhằm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Mặt khác, là xây dựng quy chế thi đua khen thưởng, quy hoạch đội ngũ, chuyển chức danh nghề nghiệp, tinh giản ...trong đơn vị.

II. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN.

1. Thực hiện 3 công khai.

- **Về cơ sở vật chất:** Tập thể CB - GV và Hội phụ huynh học sinh bàn bạc và thống nhất về kế hoạch xây dựng cải tạo, sửa chữa trường lớp, về nguồn tài chính đóng góp để cải tạo, sửa chữa, quyết toán kinh phí sau cải tạo sửa chữa thực hiện công khai .

-**Về chất lượng đào tạo:** Hàng tháng, hàng kỳ việc kiểm tra chất lượng thực của học sinh được thông báo công khai trước tập thể: Thông báo kế hoạch kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra để tất cả mọi CB - GV đều nắm bắt được kết quả của học sinh trong toàn trường, có đánh giá, rút kinh nghiệm, đưa ra bài học cụ thể.

- **Về tài chính:** Thực hiện công khai tài chính theo quý, một năm thực hiện công khai tài chính 2 lần và bản quyết toán tài chính được niêm yết tại phòng họp hội đồng nhà trường , Website đơn vị vào mỗi kỳ trong năm (*có giám sát của ban thanh tra nhân dân trường*).

-**Về Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:** Thực hiện công khai vào tháng 4, 6 hằng năm sau khi được Phòng Giáo dục và Đào tạo xét duyệt nhu cầu biên chế năm học. Công khai bổ sung vào tháng 9 hằng năm sau khi nhận Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng CB, GV, NV mới bổ sung nhu cầu biên chế cho năm học.

2. Thực hiện 4 kiểm tra.

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH công đoàn cơ sở thường xuyên kiểm tra việc phân bổ Ngân sách nhà nước cấp chi phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường, kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, kinh phí chi cho mua sắm dụng cụ

phục vụ trong nhà trường, kinh phí chi cho việc mua bổ sung tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên...

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH công đoàn cơ sở: Kiểm tra các khoản thu đóng góp từ phụ huynh học sinh được nộp kịp thời về thủ quỹ tránh tình trạng để tồn đọng tại người thu.

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH công đoàn cơ sở: Kiểm tra về chi ngân sách, chế độ cho CB -GV, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra việc chọn cử CB,GV học tập, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí nhân sự cũng như chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nội dung 3 công khai của trường tiểu học Duy Tân trong năm học 2022-2023, Trường tiểu học Duy Tân cam kết thực hiện đúng nội dung kế hoạch đã đề ra để xây dựng nhà trường đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. Trong quá trình triển khai kế hoạch, nếu có vấn đề phát sinh liên hệ trực tiếp với Trường ban để điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT; (thay b/c);
- Thành viên BCD;(t/hiện);
- Lưu : VT.

HIỆU TRƯỞNG
The stamp is circular with a red border. Inside, it reads 'PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX. BẾN CÁT' around the top edge and 'TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN' in the center. A star is at the bottom. A signature is written over the stamp.
Nguyễn Ngọc Thu

Số: 28/QĐ-TH

Thời Hòa, ngày 22 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế 3 công khai
năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN

Căn cứ vào Thông tư số 28/2020/TT – BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 27/SGDĐT-KHTC ngày 07 tháng 2 năm 2018 về việc triển khai thực hiện 3 công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở giáo dục;

Căn cứ vào tình hình thực tế đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban chỉ đạo và thực hiện Quy chế 3 công khai trong nhà trường năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo. Danh sách kèm theo

Điều 2. Ban chỉ đạo có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nghiêm túc theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 3. Các Ông; bà có tên tại điều 1 và các bộ phận liên quan của đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Website trường (c/khai);
- Lưu: VP.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thu



DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI

Ban hành kèm theo Quyết định số 82/QĐ-THDT ngày 22 tháng 11 năm 2022

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Thu	Hiệu trưởng	Trưởng ban	
2	Nguyễn Dak Anh Tuấn	P. Hiệu trưởng	P. Trưởng ban	
3	Nguyễn Thị Ngọc Loan	P. Hiệu trưởng	P. Trưởng ban	
4	Nguyễn Ngọc Phương Thủy	Văn thư	Thư ký	
5	Hồng Thị Ngọc Trang	Kế toán	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Thùy Linh	CTCD	Thành viên	
7	Võ Thanh Tuấn	TB TTrND	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	BT –ĐTN	Thành viên	
9	Đặng Thành Nhơn	TPT Đội	Thành viên	
10	Trần Thị Giang	GVTH	Thành viên	
11	Phạm Bá Nam	GV TH	Thành viên	

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6 (Trừ tổ 6, tổ 7, tổ 20, tổ 22) Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6 (Trừ tổ 6, tổ 7, tổ 20, tổ 22), Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6 (Trừ tổ 6, tổ 7, tổ 20, tổ 22), Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6 (Trừ tổ 6, tổ 7, tổ 20, tổ 22), Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6 (Trừ tổ 6, tổ 7, tổ 20, tổ 22), Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	35 tuần	35 tuần	35 tuần	35 tuần	35 tuần
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục học tập, năng lực và phẩm chất của HS theo từng học kì, gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN và BGH để cùng phối hợp giáo dục HS HS phải thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của một HS tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường 				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các buổi sinh hoạt đội, tổ chức các hoạt động về sinh, thăm nhà lưu niệm hay thăm viếng bia tưởng niệm và các hoạt động khác để giáo dục toàn diện cho học sinh. 				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá phẩm chất và năng lực. Đa số HS đều đạt được chuẩn kiến thức kĩ năng theo quy định của từng khối lớp, phần đầu có 98% lên lớp và 100% HS lớp 5 công nhận hoàn thành chương trình tiểu học. 				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> Cuối năm học 98% số học sinh có đủ kiến thức, kĩ năng để tiếp tục theo học các lớp trên. 				

Thới Hòa, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thu

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2292	458	486	484	500	364
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1808	458	486		500	364
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	2292	458	486	484	500	364
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1458	325	358	282	267	226
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	834	133	128	202	233	138
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	2292	458	486	484	500	364
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1194	282	293	225	197	152
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1116	149	193	259	303	212
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	27	27	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	2292	458	486	484	500	364
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2265 (98,8%)	431 (94,1)	486 (100%)	484 (100%)	500 (100%)	364 (100%)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	780	264	245	97	100	74
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	27 (1,18%)	27 (5,9%)	0	0	0	0

Thới Hòa, ngày 05. tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thu

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	48/53	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	48	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10.174	5,51 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1654	0,9 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1872	1,02 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	31	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	58	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	31	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	31	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	10	0,2
1.1	Khối lớp 1	2	0,2
1.2	Khối lớp 2	2	0,2
1.3	Khối lớp 3	2	0,2
1.4	Khối lớp 4	2	0,2
1.5	Khối lớp 5	2	0,2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	11	
2.2	Khối lớp 2	10	
2.3	Khối lớp 3	10	
2.4	Khối lớp 4	7	
2.5	Khối lớp 5	5	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	1,2 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Tivi	6	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/dầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Thiết bị khác...	4	
6	Bảng tương tác	36	0,7 thiết bị / lớp



	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	Số lượng 1 - 228m ²
XI	Nhà ăn	Số lượng 1 - 506m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9		18		0,23
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	



Thới Hòa, ngày 05. tháng 9. năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thu

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III - A0	Hạng III - A1	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	71			48	19	6	6	13	20	29	1				
	I Giáo viên	59			38	19	2		13	20	25	1				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	47			30	13	1		12	16	18	1				
1	Tiếng dân tộc															
2	Ngoại ngữ	4			3	1				1	3					
3	Tin học	2			1	1				1	1					
4	Âm nhạc	1			1						1					
5	Mỹ thuật	2				1	1		1	1						
6	Thể dục	3			3					1	2					
	II Cán bộ quản lý	3			3						3					
1	Hiệu trưởng	1			1						1					
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2					
	III Nhân viên	10			3		1	6			1					
1	Nhân viên văn thư	1						1								
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện	1			1											
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm															
7	Nhân viên công nghệ thông tin															
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
9	Tổng phục trách đội	1			1						1					
10	Nhân viên bảo vệ, phục vụ	5						5								

Thới Hòa, ngày 05. tháng 9. năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thu

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Tất cả HS trong độ tuổi có hộ khẩu tạm trú và thường trú ở Khu phố 6, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	35 tuần	35 tuần	35 tuần	35 tuần	35 tuần
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục học tập, năng lực và phẩm chất của HS theo từng học kì, gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN và BGH để cùng phối hợp giáo dục HS HS phải thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của một HS tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường 				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các buổi sinh hoạt đội, tổ chức các hoạt động về sinh, thăm nhà lưu niệm hay thăm viếng bia tưởng niệm và các hoạt động khác để giáo dục toàn diện cho học sinh. 				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá phẩm chất và năng lực. Đa số HS đều đạt được chuẩn kiến thức kĩ năng theo quy định của từng khối lớp, phần đầu có 98% lên lớp và 100% HS lớp 5 công nhận hoàn thành chương trình tiểu học. 				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> Cuối năm học 98% số học sinh có đủ kiến thức, kĩ năng để tiếp tục theo học các lớp trên. 				

....., ngày 11. tháng 01. năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thu

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2057	535	376	381	360	397
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	2057	535	376	381	360	397
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	2057	535	376	381	360	397
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1159	319	201	171	175	213
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1028	186	175	210	183	147
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	32	30			2	
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	2057	535	376	381	360	397
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	904	271	165	89	95	161
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	904	22	11	46	80	52
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1204	212	200	246	183	147
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	32	30			2	
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	2057	535	376	381	360	397
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2025	505	376	381	358	397
a	Trong đó:	781	271	165	89	95	161



	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)					
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	32	30			2

....., ngày 31. tháng 01. năm 2023

Thư trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thu



PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	47/49	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	47	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10.147	5,51 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1654	0,9 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1872	1,02 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	31	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	58	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	31	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	31	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	10	0,2
1.1	Khối lớp 1	2	0,2
1.2	Khối lớp 2	2	0,2
1.3	Khối lớp 3	2	0,2
1.4	Khối lớp 4	2	0,2
1.5	Khối lớp 5	2	0,2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	1,2 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Thiết bị khác...	4	
6	Bảng tương tác	36	0,7 thiết bị / lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	Số lượng 1 - 228m ²
XI	Nhà ăn	Số lượng 1 - 506m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9		18		0,23
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

....., ngày 31. tháng 01. năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thu



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	71			22	33	11	5	19	30	18	23	30	3	
I	Giáo viên	61			15	33	8		18	30	13	23	30	3	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:				9	26	7		16	24	7	13	27	2	
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ				2	3			1	2	2	2	3		
3	Tin học				1	1				1	1	2			
4	Âm nhạc				1	1				1	1	1		1	
5	Mỹ thuật					1	1		1	1		2			
6	Thể dục				2	1				1	2	3			
II	Cán bộ quản lý				3						3	3			
1	Hiệu trưởng				1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng				2						2	2			
III	Nhân viên				4		3	5	1		2				
1	Nhân viên văn thư						1								
2	Nhân viên kế toán				1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế						1								
5	Nhân viên thư viện				1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm				1						1				
7	Nhân viên công nghệ thông tin				1						1				
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Tổng phụ trách đội						1		1						
10	Nhân viên bảo vệ, phục vụ							5							

..... ngày 31 tháng 11 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thu